

## 【16】フェンシング

期日 令和元年8月17日(土)・18日(日)  
会場 三重交通G スポーツの杜 鈴鹿  
体育館

### 成年女子 フルーレ

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
三重	1	/	勝点 1	勝点 0	勝点 0	1	6	35	63	-28	3
			V 5	V 1	V 0						
			TD 22	TD 9	TD 4						
			TR 9	TR 29	TR 25						
静岡	2	/	勝点 0	勝点 0	勝点 0	0	0	16	72	-56	4
			V 0	V 0	V 0						
			TD 9	TD 3	TD 4						
			TR 22	TR 25	TR 25						
愛知	3	/	勝点 1	勝点 1	勝点 0	2	10	61	37	24	2
			V 5	V 5	V 0						
			TD 29	TD 25	TD 7						
			TR 9	TR 3	TR 25						
岐阜	4	/	勝点 1	勝点 1	勝点 1	3	15	75	15	60	1
			V 5	V 5	V 5						
			TD 25	TD 25	TD 25						
			TR 4	TR 4	TR 7						

### 成年女子 サーブル

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
岐阜	1	/	勝点 1	勝点 1	勝点 1	3	10	82	49	33	1
			V 5	V 5	V 5						
			TD 25	TD 32	TD 25						
			TR 12	TR 32	TR 5						
三重	2	/	勝点 0	勝点 0	勝点 1	1	7	51	66	-15	3
			V 1	V 1	V 5						
			TD 12	TD 12	TD 27						
			TR 25	TR 29	TR 12						
愛知	3	/	勝点 0	勝点 1	勝点 1	2	13	86	49	37	2
			V 3	V 5	V 5						
			TD 32	TD 29	TD 25						
			TR 32	TR 12	TR 5						
静岡	4	/	勝点 0	勝点 0	勝点 0	0	1	22	77	-55	4
			V 0	V 1	V 0						
			TD 5	TD 12	TD 5						
			TR 25	TR 27	TR 25						

フルーレ、サーブルの合計により

代表県	岐阜県	愛知県
-----	-----	-----

### 少年男子

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
静岡	1	/	勝点 0	勝点 0	勝点 0	0	2	32	111	-79	4
			V 0	V 2	V 0						
			TD 5	TD 24	TD 3						
			TR 25	TR 41	TR 45						
愛知	2	/	勝点 1	勝点 1	勝点 0	2	17	95	60	35	2
			V 5	V 9	V 3						
			TD 25	TD 45	TD 25						
			TR 5	TR 17	TR 38						
三重	3	/	勝点 1	勝点 0	勝点 0	1	7	70	114	-44	3
			V 7	V 0	V 0						
			TD 41	TD 17	TD 12						
			TR 24	TR 45	TR 45						
岐阜	4	/	勝点 1	勝点 1	勝点 1	3	24	128	40	88	1
			V 9	V 6	V 9						
			TD 45	TD 38	TD 45						
			TR 3	TR 25	TR 12						
		代表県		岐阜県		愛知県					

### 少年女子

県名	No.	1	2	3	4	勝点	勝数	突数	被突数	TD-TR	順位
愛知	1	/	勝点 0	勝点 1	勝点 1	2	18	111	67	44	2
			V 3	V 7	V 8						
			TD 24	TD 43	TD 44						
			TR 34	TR 19	TR 14						
岐阜	2	/	勝点 1	勝点 1	勝点 1	3	22	121	60	61	1
			V 5	V 8	V 9						
			TD 34	TD 42	TD 45						
			TR 24	TR 29	TR 7						
三重	3	/	勝点 0	勝点 0	勝点 1	1	8	72	92	-20	3
			V 2	V 1	V 5						
			TD 19	TD 29	TD 24						
			TR 43	TR 42	TR 7						
静岡	4	/	勝点 0	勝点 0	勝点 0	0	1	28	113	-85	4
			V 1	V 0	V 0						
			TD 14	TD 7	TD 7						
			TR 44	TR 45	TR 24						
		代表県		岐阜県							